

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỊA ĐIỂM HỌC: 79 MAI THỊ DỒNG

STT	Bộ môn quản lý MH	Mã lớp MH	Số SV theo lớp MH	Mã lớp	Số SV	Tên môn học	Số TC	Tổng số tiết	Giảng viên	Thứ, tiết học						Phòng học	Tuần
										Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7		
1	DL	DL207V12531	23	23DDLA1	80	Đề án du lịch 2	3	45	Võ Trần Hải Linh Trần Thị Phi Ánh Đinh Thị Nga Lê Anh Thư Ngô Thị Hoài Thương Đoàn Huy Bảo Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
2	DL	DL102V12531	23	23DDLA1	80	Kinh tế du lịch	3	45	Lê Anh Thư		7.8.9		7.8.9		7.8.9	Online	1--5
3	TH	TH306K12531	23	23DHQA1	60	Thực hành kỹ năng dạy tiếng Hàn	3	45	An Hei Won	4.5.6		4.5.6		4.5.6		B001	1--5
4	DL	DL207V12531	23	23DKSA1	80	Đề án du lịch 2	3	45	Võ Trần Hải Linh Trần Thị Phi Ánh Đinh Thị Nga Lê Anh Thư Ngô Thị Hoài Thương Đoàn Huy Bảo Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
5	DL	DL102V12531	23	23DKSA1	80	Kinh tế du lịch	3	45	Lê Anh Thư		7.8.9		7.8.9		7.8.9	Online	1--5
6	KT	KT217V12531	21	23DKTA1	80	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	45	Chu Mỹ Hạnh	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A202	1--5
7	KT	KT304V12531	21	23DKTA1	80	Kiểm toán nâng cao	3	45	Chu Mỹ Hạnh	4.5.6		4.5.6		4.5.6		A202	1--5
8	QTKD	QTKD235V12531	15	23DLQA1	80	Quản trị kênh phân phối	3	45	Vũ Đức Quý	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A205	1--5
9	LUAT	LUAT365V12531	19	23DLUA1	80	Chuyên đề tư duy	2	30	Lê Anh Vân Tạ Quang Tòng	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
10	QTKD	QTKD235V12531	35	23DMAA1	80	Quản trị kênh phân phối	3	45	Vũ Đức Quý	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A205	1--5
11	QTKD	QTKD370V12531	35	23DMAA1	80	Quản trị quan hệ khách hàng	3	45	Triệu Đình Phương		7.8.9		7.8.9		7.8.9	B002	1--5
12	TA	TA353E12531	28	23DTAA1	60	Multicultural Human Resource Management	3	45	Lương Thị Kim Duyên	4.5.6		4.5.6		4.5.6		A201	1--5
13	TCNH	TCNH313V12531	14	23DTCA1- NHS	80	Open banking và ngân hàng số	3	45	Lương Thị Kim Duyên	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A108	1--5

14	CNTT	CNTT212V12531	67	23DTHA1	80	Đồ án chuyên ngành	3	45	Khoa CNTT	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
15	CNTT	CNTT313E12531	50	23DTHA1 - CNPM	80	Special topics in software engineering	3	45	Nguyễn Trùng Lập	7.8.9		7.8.9		7.8.9		Online	1--5
16	CNTT	CNTT316E12531	17	23DTHA1 - MMT	80	Special topics in information security	3	45	Nguyễn Văn Tự	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A110	1--5
17	TT	TT232C12531	32	23DTQA1	60	Thực hành ngôn ngữ	3	45	Nguyễn Thị Thu Hà		4.5.6		4.5.6		4.5.6	B002	1--5
18	TT	TT231C12531	32	23DTQA1	60	Đề án 2	3	45	Trần Thị Kiều Lan	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
19	CNTT	CNTT318V12531	5	23DTTA1	80	Đồ án ngành trí tuệ nhân tạo 2	3	45	Nguyễn Khắc Huy	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A108	1--5
20	CNTT	CNTT314E12531	5	23DTTA1	80	Special topics in artificial intelligence and data science	3	45	Phan Thanh Sơn		7.8.9		7.8.9		7.8.9	A109	1--5
21	KHCB	GDTQ104V12531	155	Khóa 2023	220	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Phạm Văn Huynh	10.11.12		10.11.12				A204	1--5
22	KHCB	GDTQ104V12532	155	Khóa 2023	220	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Phạm Văn Huynh		10.11.12		10.11.12 Online			A204 Online	1--5
23	DL	DL109V12531	28	24DDLA1	80	Chuyên đề 3: Pháp luật du lịch	1	15	Nguyễn Đăng Khoa	1.2.3						A204	1--5
24	TH	TH109K12531	20	24DHQA1	60	Tiếng Hàn cao cấp 1	3	45	Nguyễn Thị Kiều Oanh	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A110	1--5
25	DL	DL109V12531	30	24DKSA1	80	Chuyên đề 3: Pháp luật du lịch	1	15	Nguyễn Đăng Khoa	1.2.3						A204	1--5
26	KT	KT210V12531	16	24DKTA1	80	Đề án cơ sở	2	30	BM kế toán	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
27	QTKD	QTKD210V12531	15	24DLQA1	80	Đề án cơ sở	2	30	BM QTKD	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
28	LUAT	LUAT242V12531	35	24DLUA1	80	Thực tập chuyên đề 2	2	30	Lê Nguyễn Thảo Uyên	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
29	QTKD	QTKD210V12531	27	24DMAA1	80	Đề án cơ sở	2	30	BM QTKD	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
30	QTKD	QTKD224V12531	36	24DQTA1	80	Quản trị bán hàng	3	45	Phạm Thị Vân	1.2.3		1.2.3		1.2.3		B001	1--5
31	TA	TA208E12531	33	24DTAA1	60	Project 1: Survey of Languages in Society	3	45	Vũ Minh Ngọc					7.8.9		Online	1--5
32	TCNH	TCNH208V12531	13	24DTCA1	80	Đề án cơ sở	2	30	BM TCNH	Theo lịch của Khoa/ Bộ môn						BM	1--5
33	TKTT	TDPT204V12531	38	24DTDA1	80	Quản trị sự kiện	3	45	Hồ Thị Phương Ngân	1.2.3	1.2.3		1.2.3		1.2.3	B001	1--4
											1.2.3		1.2.3			Online	5
34	TT	TT235C12531	23	24DTQA1	35	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 1	3	45	Trần Thị Kiều Lan	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A109	1--5
35	TT	TT235C12532	23	24DTQA1	35	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 1	3	45	Trần Thị Kiều Lan		1.2.3		1.2.3		1.2.3	A109	1--5
36	KHCB	GDTQ147V12531	80	Khóa 2024	80	Giáo dục thể chất_Taekwondo	3	45	Nguyễn Ngọc Hiệp		8.9.10		8.9.10		8.9.10	ST	1--5
37	KHCB	GDTQ147V12532	80	Khóa 2024	80	Giáo dục thể chất_Taekwondo	3	45	Phạm Văn Khanh	8.9.10		8.9.10		8.9.10		ST	1--5
38	KHCB	GDTQ147V12533	80	Khóa 2024	80	Giáo dục thể chất_Bóng đá	3	45	Nguyễn Xuân Huy	9.10.11		9.10.11		9.10.11		ST	1--5
39	KHCB	GDTQ147V12534	80	Khóa 2024	80	Giáo dục thể chất_Bóng đá	3	45	Nguyễn Xuân Huy		9.10.11		9.10.11		9.10.11	ST	1--5

40	KHCB	GDTQ147V12535	80	Khóa 2024	80	Giáo dục thể chất_Taekwondo	3	45	Nguyễn Ngọc Hiệp	8.9.10		8.9.10		8.9.10		ST	1--5
41	KHCB	GDTQ147V12536	40	Khóa 2024	40	Giáo dục thể chất_Yoga	3	45	Đặng Trường Sơn	4.5.6		4.5.6		4.5.6		Cinema	1--5
42	KHCB	GDTQ147V12537	20	Khóa 2024	20	Giáo dục thể chất_Thuyền buồm	3	45	Ana Marina	4.5.6 7.8.9	4.5.6 7.8.9	4.5.6 7.8.9				Ana	1--2
46	CNTT	CNTT103V12531	30	17DH1CNTT11	40	Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	Phạm Xuân Bình Nguyễn Khắc Huy	4.5.6		4.5.6		4.5.6		A304	1--5
47	CNTT	CNTT103V12532	30	17DH1CNTT11	40	Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	Lê Hữu Tuấn		4.5.6		4.5.6		4.5.6	A304	1--5
48	CNTT	CNTT103V12533	30	17DH1CNTT11	40	Cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	Lê Hữu Tuấn	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A304	1--5
49	DL	DL204V12531	55	17DH1DL11	80	Thực tập nhận thức	3	45	Võ Trần Hải Linh Trần Thị Phi Ánh Đinh Thị Nga Lê Anh Thư Ngô Thị Hoài Thương Đoàn Huy Bảo Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	1--5
50	KT	KT103V12531	21	17DH1KT11	80	Kế toán tài chính 1	3	45	Huỳnh Hán Việt Chương	4.5.6		4.5.6		4.5.6		A205	1--5
51	LUAT	LUAT209V12531	33	17DH1LUAT11	80	Thực tập nhận thức	3	45	Đỗ Nguyễn Thành Trung	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	1--5
52	TT	TT120C12531	28	17DH1NNA11	35	Nói tiếng Trung 1	3	45	Phạm Thị Thủy	4.5.6		4.5.6		4.5.6		B002	1--5
53	LUAT	LUAT209V12531	8	17DH1QLNN11	80	Thực tập nhận thức	3	45	Đỗ Nguyễn Thành Trung	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	1--5
54	QTKD	QTKD104V12531	56	17DH1QTKD11	80	Marketing căn bản	3	45	Nguyễn Dạ Thảo	4.5.6		4.5.6		4.5.6		A204	1--5
55	DL	DL204V12531	57	17DH1QTKS11	80	Thực tập nhận thức	3	45	Võ Trần Hải Linh Trần Thị Phi Ánh Đinh Thị Nga Lê Anh Thư Ngô Thị Hoài Thương Đoàn Huy Bảo Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Theo lịch của Doanh nghiệp						DN	1--5
56	TKTT	TDPT103V12531	41	17DH1TDPT11	80	Thông hiểu truyền thông	3	45	Đàm Văn Đô	4.5.6		4.5.6		4.5.6		A203	1--5
57	TH	TH105K12531	18	17DH1TH11	30	Tiếng Hàn trung cấp 1	3	45	Vũ Thị Thu Hiền		4.5.6		4.5.6		4.5.6	B001	1--5
58	TKTT	TKDH201V12531	24	17DH1TKDH11	24	Tin học 1: Adobe Illustrator	3	45	Lê Anh Thy Thy		1.2.3		1.2.3		1.2.3	A402	1--5
59	TKTT	TKDH201V12532	23	17DH1TKDH11	24	Tin học 1: Adobe Illustrator	3	45	Lê Anh Thy Thy		4.5.6		4.5.6		4.5.6	A402	1--5
60	CNTT	CNTT111V12531	53	17DH1TT11	40	Kỹ năng số	3	45	Lê Hữu Tuấn Nguyễn Khắc Huy		1.2.3		1.2.3		1.2.3	A304	1--5
61	KHCB	GDTQ173V12531	80	Khóa 17	80	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	Thành Adam Krishna	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A204	1--5
62	KHCB	GDTQ172V12531	80	Khóa 17	80	Tiếng Việt thực hành	3	45	Hồ Thị Thùy Vân		1.2.3		1.2.3		1.2.3	A204	1--5

63	KHCB	GDTQ141V12531	80	Khóa 17	80	Tâm lý học và đời sống	3	45	Nguyễn Thị Xuyến Hồ Thị Thùy Vân		7.8.9		7.8.9		7.8.9	A204	1--5
64	LUAT	LUAT137V12531	178	Khóa 17	220	Pháp luật và đời sống	3	45	Đỗ Nguyễn Thành Trung	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A401	1--5
65	TA	TA131E12531	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Nguyễn Nhật Lan Hương	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A201	1--5
66	TA	TA131E12532	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Nguyễn Bạch Tuyết Ngân		7.8.9		7.8.9		7.8.9	A403	1--5
67	TA	TA131E12533	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Nguyễn Trần Hoài		1.2.3		1.2.3		1.2.3	A403	1--5
68	TA	TA131E12534	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Phạm Ngọc Quốc Việt		4.5.6		4.5.6		4.5.6	B001	1--5
69	TA	TA131E12535	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Phạm Ngọc Quốc Việt		1.2.3		1.2.3		1.2.3	B002	1--5
70	TA	TA131E12536	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Trần Phương Lan	7.8.9		7.8.9		7.8.9		B001	1--5
71	TA	TA131E12537	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Nguyễn Thuận Tuyết	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A205	1--5
72	TA	TA131E12538	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Phan Nhật Thảo	7.8.9		7.8.9		7.8.9		A203	1--5
73	TA	TA131E12539	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Phan Nhật Thảo	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A203	1--5
74	TA	TA131E125310	40	Khóa 17	40	English 4	3	45	Đoàn Thị Thu Hà	1.2.3		1.2.3		1.2.3		A403	1--5
75	TA	TA131E125311	40	Khóa 17	40	English 4 (Dự kiến)	3	45	Nguyễn Lê Kim Khánh	1.2.3		1.2.3		1.2.3		B002	1--5
76	TH	TH105K12531	10	Khóa 17 (Tiếng	30	Tiếng Hàn trung cấp 1	3	45	Vũ Thị Thu Hiền		4.5.6		4.5.6		4.5.6	A403	1--5
77	TT	TT119C12531	23	Khóa 17 (Tiếng	35	Nghe tiếng Trung 1	3	45	Phạm Thị Thủy		7.8.9		7.8.9		7.8.9	A110	1--5

Ghi chú:

Thời gian các tuần trong HK3

Tuần 1: 29/6 - 05/7/2026
Tuần 2: 06/7 - 12/7/2026
Tuần 3: 13/7 - 19/7/2026
Tuần 4: 20/7 - 26/7/2026
Tuần 5: 27/7 - 02/8/2026
Tuần 6: 03/8 - 09/8/2026

Ký hiệu tòa nhà

Tòa nhà 5 tầng: A
Tòa nhà 2 tầng: B

Thời gian học

Tiết 1: 07g00 - 07g50
Tiết 2: 07g50 - 08g40
Tiết 3: 08g40 - 09g30
Giải lao: 09g30 - 09g45
Tiết 4: 09g45 - 10g35
Tiết 5: 10g35 - 11g25
Tiết 6: 11g25 - 12g15
Giải lao: 12g15 - 13g15

Tiết 7: 13g15 - 14g05
Tiết 8: 14g05 - 14g55
Tiết 9: 14g55 - 15g45
Giải lao: 15g45 - 16g00
Tiết 10: 16g00 - 16g50
Tiết 11: 16g50 - 17g40
Tiết 12: 17g40 - 18g30

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

(Đã ký)

ThS. Đinh Văn Hương

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị (p/h t/h);
- Giảng viên, sinh viên (t/h);
- Lưu: VT, PQLĐT.